

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /2023/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung của một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 40/BC-VHXH ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Mức hỗ trợ và đối tượng được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế**

1. Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng:

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn (không thuộc huyện nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền);

b) Học sinh, sinh viên;

c) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ có mức sống trung bình áp dụng cho từng giai đoạn;

d) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, theo quy định của Nghị định 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ;

đ) Người cao tuổi chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo diện bắt buộc và theo diện đối tượng được cấp miễn phí (đối tượng không thuộc nhóm do cơ quan Bảo hiểm xã hội đóng; nhóm do ngân sách nhà nước đóng; nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng được quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 6 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế);

e) Người nhiễm HIV/AIDS chưa được cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo diện bắt buộc và theo diện đối tượng cấp miễn phí (đối tượng không thuộc nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng; nhóm do cơ quan Bảo hiểm xã hội đóng; nhóm do ngân sách nhà nước đóng; nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng được quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 6 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế).

2. Hỗ trợ 30% trên số tiền phải đóng của người tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình.

**Điều 2. Hỗ trợ cùng chi trả 5% chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang cho các đối tượng:**

1. Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

2. Thân nhân của người có công, gồm:

a) Vợ hoặc chồng, con từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

c) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

d) Con đẻ từ đủ 6 tuổi trở lên bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

3. Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điểm a Khoản 10 Điều 16 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

4. Người phục vụ người có công đang sống ở gia đình, bao gồm: Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Người phục vụ thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.

5. Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP và các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chuẩn hộ cận nghèo áp dụng cho từng giai đoạn.

6. Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng Nhân dân tỉnh, Tổ Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII - Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 và thay thế Nghị quyết 49/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Hà Giang./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - Ủy ban Thường vụ QH;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính, Lao động - TBXH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trung tâm thông tin - Công báo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b).

**CHỦ TỊCH**



**Thảo Hồng Sơn**